

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/DS-PT.

Ngày: 08/12/2017

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Khánh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Ông Hoàng Đức Triết- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: số 26/2017/TLPT- DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn H; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Q.

2. Bị đơn: Ông Trương Hữu T; Địa chỉ: số 12, Đường T, khu phố 6, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Q.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty cổ phần cao su T; Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Sư T – Tổng giám đốc; Địa chỉ: Khu phố 9, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Q.

+ Bà Nguyễn Thị Anh Đ: Địa chỉ: 12, Đường T, khu phố 6, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hữu T; Địa chỉ: số 12, Đường T, khu phố 6, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Q

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2016, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn H trình bày: Ông Trương Hữu T có vay ông Dương Văn H 150.000.000 đồng theo các giấy nhận tiền như sau : Ngày 22/01/2014 nhận số tiền 100.000.000 đồng; ngày 27/01/2014 nhận số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 09/12/2015, ông H có giấy đề nghị ông Toán trả tiền nhưng ông T không trả. Ông H yêu cầu Tòa án buộc ông có nghĩa vụ trả số tiền đã vay 150.000.000 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 04/6/2017, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Hữu T trình bày: Ông khẳng định giữa ông và ông H không có việc vay mượn. Ngày 22/01/2014 ông viết giấy biên nhận số tiền 100.000.000 đồng và ngày 27/01/2014 ông viết giấy biên nhận số tiền 50.000.000 đồng của ông Dương Văn H, tổng cộng nhận hai lần số tiền 150.000.000 đồng. Số tiền này ông H gửi trả cho vợ ông là bà Nguyễn Thị Anh Đ do ông Dương Văn H trả nợ cho vợ ông theo bản cam kết ngày 09/01/2014 và theo nội dung văn bản “Ý kiến của HĐQT của công ty CP cao su T” ngày 11/01/2014. Giao dịch liên quan đến số tiền 150.000.000 đồng trên cũng đã được ông H thừa nhận trong “ Ý kiến trình bày đối với phản tố của bị đơn ” ngày 06/6/2016 mà ông H gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị trong vụ án “ Tranh chấp giữa các thành viên công ty với công ty” do ông H khởi kiện Công ty cổ phần cao su T . Tại văn bản này ông H thừa nhận đã chuyển cho ông T 150.000.000 đồng để thanh toán theo bản cam kết. Số tiền 150.000.000 đồng ông đã giao cho bà Đ và bà Đ đã xác nhận công nợ với Công ty, nay ông H khởi kiện ông vay ông H số tiền 150.000.000 đồng là không đúng nên ông không có nghĩa vụ trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh Đ trình bày: Bà Nguyễn Thị Anh Đ là vợ ông Trương Hữu T, trong năm 2013 có ký hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần cao su T đầu tư số tiền 1 tỷ đồng, thực chất là hợp đồng vay tiền của vợ chồng bà Đ. Sau khi hết thời hạn ghi trong hợp đồng, theo thỏa thuận trong nội bộ Công ty cổ phần cao su T thì ông Nguyễn Sư T tổng giám đốc công ty có nghĩa vụ và đã trả cho bà Đ số tiền 500.000.000 đồng, ông Dương Văn H phó giám đốc công ty cam kết trả cho bà Đ số tiền 490.000.000 đồng. Theo đó vào các ngày 22/01/2014 và ngày 27/01/2014 ông H chuyển tiền trả cho bà Đ qua chồng bà Đ là ông Trương hữu T số tiền hai lần chuyển là 150.000.000 đồng. Khoản tiền này là ông H trả tiền cho bà Đ chứ không có vấn đề ông T vay mượn của ông H. Việc ông H chuyển tiền trả 150.000.000 đồng mà ông T nhận là việc ông H thực hiện nghĩa vụ của Công ty cổ phần cao su T mà ông H là phó tổng giám đốc chứ không phải là hành vi của cá nhân ông H, không phải tiền riêng của ông H cho ông T vay, vì vậy bà Đ đã ghi vào giấy cân đối nợ ông Dương Văn H đã trả số tiền 150.000.000 đồng đã có giấy xác nhận nợ của Công ty.

Tại bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xử:

Căn cứ Điều 463 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Dương Văn H về việc yêu cầu ông Trương Hữu T trả số tiền vay 150.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Dương Văn H phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000234 ngày 05/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Quảng Trị. Ông H còn phải nộp số tiền 3.750.000, đồng.

Ngày 06/10/2017 nguyên đơn Ông Dương Văn H kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2017/DSST ngày 22/9/2017 theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc bị đơn Ông Trương Hữu T phải trả lại số tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau : Quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng và đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại Tòa án. Về nội dung vụ án : Các tài liệu do các bên cung cấp không thể hiện việc ông H cho ông T vay, mượn tiền thể hiện có sự cam kết với nhau (Theo quy định tại Điều 471 BLDS năm 2005 hay Điều 463 BLSD năm 2015). Căn cứ vào giấy nhận tiền ngày 22 và 27 tháng 01/ 2014 ông H đòi ông T trả nợ cho ông 150.000.000, đồng . Tuy nhiên việc ông H giao tiền cho ông T là có cam kết trả nợ thay Công ty T, cụ thể là trả nợ cho bà Đ (Vợ ông T) đã được các bên đồng ý (Theo quy định tại Điều 315 BLDS năm 2005). Tại văn bản trình bày bổ sung kháng cáo ông H cũng đã thừa nhận là nhận chuyển giao nghĩa vụ dân sự, nhưng do Công ty T không thực hiện cam kết, nên ông đòi lại tiền đã giao. Việc thực hiện nghĩa vụ chia cắt là quyền và nghĩa vụ khác giữa ông H và Công ty T, do phạm vi xét xử phúc thẩm nên không thể xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS bác kháng cáo của ông Dương Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

(1) Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn H yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn ông Trương Hữu T phải trả số tiền 150.000.000 đồng cho ông H, Hội đồng xét xử thấy :

Thực tế giữa ông Dương Văn H và ông Trương Hữu T không có hợp đồng vay mượn (Hoặc giấy vay mượn) thể hiện cam kết giữa hai bên về số tiền vay, lãi suất và thời gian trả nợ (Theo quy định tại Điều 471 và Điều 474 BLDS năm 2005 tương ứng

Điều 463, 466 BLDS năm 1015) . Ông Hòa căn cứ vào hai giấy nhận tiền ngày 22/01/2014 và ngày 27/01/2014 với tổng số tiền 150.000.000 đồng, để đòi nợ ông T, cả hai bên đều xác nhận là có giao nhận số tiền này. Nhưng phía bị đơn thì cho rằng đây là số tiền mà nguyên đơn Ông Dương Văn H trả cho bà Nguyễn Thị Anh Đ (vợ ông T) theo biên bản cam kết được xác lập trước đó; phía nguyên đơn thì cho rằng đây là khoản tiền mà ông H cho ông T vay. Xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp thì thấy rằng: Ông H có giấy đề nghị về việc thanh toán ghi : Ông có nợ Công ty T “ Đúng ra tôi phải trả tiền cho Công ty, nhưng vì điều kiện nên tôi xin trả trực tiếp qua ông T và lấy giấy xác nhận của anh T về việc đã thanh toán nợ cho Công ty ”. Tiếp đó vào ngày 09/01/2014 ông Hòa tiếp tục có bản cam kết thống nhất trả nợ 490.000.000, đồng là khoản nợ Công ty đang nợ bà Nguyễn Thị Anh Đ .Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty T cũng đã xác nhận số tiền 150.000.000 đồng ông T nhận từ ông là số tiền ông H trả theo bản cam kết ngày 09/01/2014 và bà Đ đã xác nhận công nợ lại với công ty ngày 02/12/2015 đã trừ số tiền 150.000.000 đồng trên. Tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu thẩm định chữ ký bà Đ tại biên bản xác nhận ngày 15/01/2015 nhưng tại phiên tòa Công ty T, ông T thừa nhận chữ ký trong biên bản là chữ ký của bà Đ, nên không cần xem xét thẩm định .Mặt khác trong văn bản trình bày ý kiến đối với phản tố của bị đơn ngày 06/6/2016 mà ông H gửi tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị trong vụ án “Tranh chấp giữa các thành viên công ty với công ty”, ông H thừa nhận “.... Vấn đề yêu cầu tôi phải thực hiện trả cho ông Trương Hữu T và bà Nguyễn Thị Anh Đ số tiền 490.000.000 đồng, Tôi đã thanh toán 150.000.000 đồng.....”. Tại phiên tòa hôm nay ông H cho rằng cam kết lập ngày 09/01/2014 gửi cho Công ty T có nội dung : “ Sau khi bàn bạc thống nhất tôi đồng ý thanh toán số tiền 490.000.000, đồng là khoản nợ Công ty đang nợ bà Nguyễn Thị Anh Đ với điều kiện Công ty phải phân chia tài sản và sản phẩm (Cây giống) cho bản thân tôi theo số vốn tôi đã góp vào Công ty. Sau khi nhận đủ tài sản được phân chia tôi cam đoan thanh toán hết số nợ trên cho bên chủ nợ”. Theo ông H như vậy tôi là người thế nghĩa vụ (Theo quy định tại điều 315 BLDS năm 2005) cho Công ty cao su Thành Ngọc Tiến, nhưng nghĩa vụ chưa hoàn thành mà chỉ mới thực hiện một phần nghĩa vụ mà thôi. Do đó ông cho rằng việc nhận tiền của ông Trương Hữu T khi không có ủy quyền của bà Đ thì ông T có nghĩa vụ hoàn trả như một quan hệ vay tài sản, nên ông chỉ yêu cầu ông T thanh toán lại mà không yêu cầu Công ty cao su T thanh toán . Hội đồng xét xử thấy rằng : Trong cam kết trả nợ của ông với Công ty cao su T không có quy định nghĩa vụ của ông T, bà Đ đối với việc phân chia tài sản và sản phẩm cây giống. Về nghĩa vụ của Công ty T trong vụ án này ông không yêu cầu, cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không có quyền xem xét (Theo quy định của pháp luật về phạm vi xét xử phúc thẩm). Đối với việc ông nại ra rằng ông T nhận tiền không có giấy ủy quyền của bà Đ thấy rằng : Ông T là chồng bà Đ, thực tế này ông H đều biết, trong giấy đề nghị về việc thanh toán nợ cho công ty ông H đề nghị “ ...Đúng ra tôi phải trả tiền tại công ty, nhưng vì điều kiện nên tôi xin trả trực tiếp qua anh T và lấy giấy xác nhận về việc đã thanh toán nợ cho công ty” . Thực tế khoản tiền này bà Nguyễn Thị Anh Đ đã đối chiếu công nợ và xác nhận với Công ty cao su T đã nhận của ông Dương Văn H số tiền 150.000.000, đồng. Vì

vậy ông H yêu cầu ông T trả lại khoản tiền trả nợ thay Công ty như đã cam kết trên là không phù hợp đạo lý và quy định của pháp luật đối với cam kết mà mình đã thực hiện.

Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không cung cấp thêm các chứng cứ mới chứng minh khoản tiền giao cho ông Toán số tiền 150.000.000 đồng là khoản tiền vay với mục đích khác ngoài mục đích trả cho bà Đ, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu của ông H trong biên bản cam kết ngày 09/01/2014 điều kiện Công ty phải phân chia tài sản và sản phẩm (Cây giống) cho ông là trách nhiệm giữa Công ty T với ông không thuộc trách nhiệm của ông T bà Đ.

(2) Về án phí dân sự sơ thẩm : Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà không chấp nhận yêu cầu của ông Dương Văn H buộc ông Trương Hữu T phải trả nợ số tiền 150.000.000, đồng; ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án) là có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, thấy cần chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát bác kháng cáo của ông Dương Văn H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, 468 BLDS năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm :

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Dương Văn H về việc yêu cầu ông Trương Hữu T trả số tiền vay 150.000.000 đồng .

2. Về án phí: Ông Dương Văn H phải chịu 7.500.000, đồng án phí dân sự sơ thẩm (Đã nộp 3.750.000, đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0000234 ngày 05/01/2017 của Chi cục thi hành án huyện G, ông H còn phải nộp 3.750.000, đồng) và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008775 ngày 13/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND TP Đ;
- THADS Thành phố Đ
- Phòng KTNV; Tổ THCTP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- *Lưu hồ sơ.*

Nguyễn Đức Tân